

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT
Ngày 17 - 6 - 2020
V/v tranh chấp chia tài sản và trả
nợ sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến
Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp chia tài sản và trả nợ sau khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 56/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Văn Thị Kim T – sinh năm 1976; cư trú tại thôn T, xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Ất – Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Ân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 301 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn M – sinh năm 1973;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị S – sinh năm 1970;

Cùng cư trú tại thôn T, xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ngọc Minh và ông Nguyễn Duy Hội – Luật sư của Công ty Luật TNHH Everest thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Times, 35 đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn M1 – sinh năm 1946 và bà Trần Thị Th – sinh năm 1948;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Th: Ông Nguyễn M1 – sinh năm 1946; (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2020).

2. Anh Võ Văn M2 và chị Huỳnh Thị B;

Cùng cư trú tại thôn T, xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi. (Theo văn bản ủy quyền số 325/UQ-VCB-PC ngày 01/11/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Lệ A – Trưởng phòng giao dịch Sơn Tịnh.

Địa chỉ: Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. (Theo văn bản ủy quyền số 41/UQ-NHNT.QNg ngày 14/5/2020).

4. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh T – Chủ tịch.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là chị Văn Thị Kim T; bị đơn là anh Nguyễn M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th.

- Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

(Chị T, anh M, ông M1, Luật sư Át, Luật sư Minh có mặt tại phiên tòa; đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ủy ban nhân dân phường

P và Luật sư Hội có đơn xin xét xử vắng mặt; anh M2 và chị B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2017, bổ sung đề ngày 18/12/2017, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Văn Thị Kim T trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn M tạo lập được một số tài sản gồm: Thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 24 xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 1310); 01 căn nhà trên thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H tại khu dân cư làng cá Sa Huỳnh; 02 (hai) cái giường, 01 (một) bộ bàn, 01 (một) tủ đứng.*

Về nợ: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng) số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Khi chị và anh M ly hôn năm 2017, chị chưa yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nhận nhà, đất tại thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H; giao thửa 1310 cho anh M quản lý, sử dụng; người nào nhận giá trị tài sản cao hơn thì có nghĩa vụ thanh toán lại phần giá trị chênh lệch cho người kia; chị và anh M, mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ½ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị rút yêu cầu, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản là 02 (hai) cái giường, 01 (một) bộ bàn, 01 (một) tủ đứng.

** Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 02/01/2018, đơn yêu cầu đề ngày 25/02/2019; đơn khởi kiện phản tố không rõ ngày, tháng 4 năm 2019 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Nguyễn M trình bày:*

Tài sản chung của anh và chị Văn Thị Kim T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm: Thửa 1310; tiền bán tàu cá cho ông Nguyễn Lực ở thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi là 1.150.000.000 đồng; tiền dầu hỗ trợ đánh bắt xa bờ ông Lực đưa cho chị T 100.000.000 đồng; tiền bán tàu cá vỏ gỗ và tài sản trên tàu cho ông Bùi Văn T ở thôn Y, xã D, huyện D, tỉnh N là 680.000.000 đồng; tiền nhận hỗ trợ tiền dầu đánh bắt xa bờ là 628.000.000 đồng, tổng số tiền chị T giữ là 2.558.000.000 đồng. Anh đồng ý chia đôi thửa 1310, giao chị T nhận tài sản, thanh toán lại ½ giá trị cho anh; anh yêu cầu được nhận ½ số tiền hiện chị T đang giữ là 1.705.332.000 đồng.

Đối với ngôi nhà xây dựng trên phần đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H ở khu dân cư làng cá Sa Huỳnh; 02 (hai) cái giường, 01 (một) bộ bàn, 01 (một) tủ đứng là tài sản của cha, mẹ anh là ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th đưa tiền cho anh mua đất, xây nhà, mua sắm tài sản trong nhà, không phải là tài sản chung của anh và chị T, nên anh không đồng ý chia; đối với số tiền nợ Ngân hàng là 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký là khoản nợ chung của anh và chị T trong thời kỳ hôn nhân, nhưng chị T có trách nhiệm trả khoản nợ này vì khi anh và chị T vay Ngân hàng 01 (một) tỷ đồng nhưng không sử dụng, nên

anh và chị T thống nhất trả lại Ngân hàng. Tuy nhiên, chị T chỉ trả cho Ngân hàng 800.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng chị T giữ, nên chị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Đối với một phần ngôi nhà của anh Võ Văn M2, chị Huỳnh Thị B xây nhâm trên thửa 1310, anh vẫn giữ nguyên ý kiến thỏa thuận là ai nhận nhà, đất thì người đó đổi lại cho anh Võ Văn M2, chị Huỳnh Thị B.

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn M1 và bà Trần Thị Th cùng trình bày:* Anh Nguyễn M là con trai, chị Văn Thị Kim T là con dâu của ông, bà. Khi anh M và chị T còn chung sống với nhau; ông, bà có đưa cho anh M số tiền 190.000.000 đồng để mua đất của bà Lê Thị H và đưa tiền cho anh M xây nhà để vợ chồng anh M, chị T sinh sống và để phụng dưỡng ông, bà khi về già. Từ năm 2011 cho đến nay, ông bà không có bất kỳ văn bản nào hay bằng lời nói tặng cho tài sản trên cho anh M, chị T nên tài sản trên là tài sản của ông, bà. Nay, ông bà yêu cầu anh M và chị T trả lại nhà, đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H cho ông, bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Văn M2, chị Huỳnh Thị B trình bày:* Khi anh, chị xây nhà thì có làm nhâm một phần ngôi nhà trên thửa 1310, đến khi xây tường cao khoảng 03m thì anh Nguyễn M, chị Văn Thị Kim T mới phát hiện, nên giữa hai bên có thỏa thuận đổi lại thửa đất còn lại của anh, chị cho chị T và anh M, không phải thanh toán lại giá trị tài sản. Nay, anh chị vẫn giữ nguyên ý kiến thỏa thuận là ai nhận thửa 1310 thì các bên làm thủ tục đổi lại thửa đất còn lại của anh, chị cho người nhận thửa 1310 để người đó trả nợ cho Ngân hàng.

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam do bà Nguyễn Thị Lệ An là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 22/8/2016, anh Nguyễn M và chị Văn Thị Kim T ký Hợp đồng cho vay bán lẻ số 855/2016/NHNT.ĐP để vay số tiền 1.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí mua tàu cá và chi phí sửa chữa tàu cá phục vụ đánh bắt thủy hải sản xa bờ; thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày rút vốn khoản đầu tiên; thời hạn rút vốn: 01 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; thời gian trả nợ gốc: Trả nợ gốc 03 tháng/lần, trả trong 20 kỳ, số tiền gốc trả mỗi kỳ là 50.000.000 đồng. Ngày trả nợ đầu tiên và ngày trả nợ cuối được ghi trên Giấy nhận nợ; Lãi vay trả hàng tháng trong vòng 07 ngày kể từ ngày 26 mỗi tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay trung hạn thương mại khai thác thủy sản khác (không theo Quyết định số 940/QĐ-VCB.CSSPBL ngày 22/10/2014) đối với cá nhân có tài sản bảo đảm. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên theo lãi suất công bố của Bên cho vay và được điều chỉnh 03 tháng/lần (nếu có) trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay kỳ hạn 03 tháng đầu tiên là lãi suất ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên. Tài sản bảo đảm cho khoản vay tàu cá QNg-94712 và thửa 1310. Ngày 26/8/2016, anh M đã nhận nợ theo Giấy nhận nợ số 1023/2016/GNN.ĐP (số tài khoản vay

0278000408850), số tiền nhận nợ là 1.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 10,8%/năm.

Trong quá trình vay, anh M đã trả được 800.000.000 đồng tiền nợ gốc và 124.748.333 đồng tiền nợ lãi; hiện còn nợ 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 12/02/2020 là 19.645.304 đồng. Sau khi anh M trả 800.000.000 đồng, anh M và chị T đề nghị rút tài sản thế chấp là tàu cá QNg-94712 để bán và Ngân hàng đã giao cho anh M, chị T vào ngày 24/10/2017. Nay, Ngân hàng yêu cầu anh M và chị T trả số tiền trên cùng lãi phát sinh cho đến khi anh M, chị trả nợ xong. Trường hợp anh M, chị T không trả thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa 1310 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 467/2016/HĐTC.ĐP ngày 22.6.2016. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị anh M và chị T tiếp tục có trách nhiệm trả cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi do ông Vũ Văn T – Chủ tịch đại diện trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã đã có văn bản trả lời theo yêu cầu của Tòa án có liên quan đến một phần thửa đất số 587, tờ bản đồ số 24 xã P nên không có ý kiến gì thêm.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi đã xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chia cho anh Nguyễn M được nhận thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H có diện tích 243m² thuộc một phần thửa đất số 587, tờ bản đồ số 24, xã P tại Khu dân cư Làng cá Sa Huỳnh, thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận: Phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp thửa đất của bà Lê Thị H, phía Nam giáp thửa đất của ông Nguyễn Khả và ông Nguyễn Văn Thiệu, phía Bắc giáp đất của bà Lê Thị H và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Giá trị tài sản anh Nguyễn M được nhận gồm: Giá trị thửa đất là 1.458.000.000 đồng (chưa bao gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), giá trị nhà cấp IV trên đất là 176.020.380 đồng; giá trị mái hiên sắt, nền gạch bông là 10.705.305 đồng; giá trị tường rào dưới xây gạch, trên gắn lăm bê tông là 13.700.160 đồng; giá trị sân nền gạch là 3.302.000 đồng, giá trị 02 trụ cổng là 3.079.560 đồng; giá trị cây trồng trên đất là 450.000 đồng, tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 1.665.257.405 đồng. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không tách rời bản án).

- Chia cho chị Văn Thị Kim T được nhận thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 24 xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 94m² tại Khu dân cư Làng cá Sa Huỳnh, thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi có giới cận: Phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp mương, phía Nam giáp thửa đất số 1311, tờ bản đồ số 24, phía Bắc giáp thửa đất 1309, tờ bản đồ số 24 xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Thửa đất có giá trị 1.203.200.000 đồng.

Anh M phải thanh toán lại cho chị T số tiền 231.028.702 đồng.

Anh M, chị T có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia 01 bộ bàn, 02 cái giường, 01 tủ đứng và yêu cầu phản tố của bị đơn là anh M.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th.

Hậu quả của việc đình chỉ: Sung công quỹ Nhà nước số tiền 31.579.980 đồng tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp tại biên lai số AA/2016/0004905 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T, anh M, ông M1 và bà Hạnh có quyền khởi kiện lại quy định pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Buộc chị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam số tiền vay gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/02/2020 là 19.645.304 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 855/2016/NHNT.ĐP ngày 22/8/2016, sau ngày 12/02/2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trường hợp chị T không thanh toán khoản nợ gốc và lãi nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay trên là thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 467/2016/HĐTC-ĐP ngày 22/8/2016.

Trường hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất thì thanh toán lại giá trị ngôi nhà cấp IV.A cho anh Võ Văn M2 và chị Huỳnh Thị B số tiền 199.444.500 đồng.

Anh Nguyễn M phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị T số tiền 109.822.652 đồng theo hợp đồng 855/2016/NHNT.ĐP ngày 22/8/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 02/3/2020, chị Văn Thị Kim T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho chị được nhận ngôi nhà và đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H; giao thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 24, diện tích 94m² tại xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cho anh M trọn quyền sử dụng; chị đồng ý thanh toán lại giá trị chênh lệch cho anh M theo quy

định của pháp luật.

* Ngày 28/02/2020, ngày 02/3/2020, ngày 10/3/2020, ngày 12/3/2020, ngày 16/3/2020 và ngày 17/3/2020, anh Nguyễn M, có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định diện tích đất 243m² thuộc một phần thửa đất số 587, tờ bản đồ số 24 (nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H) tại thôn T, xã P nay là phường P là tài sản của ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th; giao thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 24, diện tích 94m² tại xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi cho chị T quản lý, sử dụng; chị T thanh toán lại giá trị cho anh là 601.600.000 đồng; xác định số tiền 2.558.000.000 đồng hiện chị T đang giữ là tài sản chung của anh và chị T; chia cho anh 2/3 số tiền trên là 1.705.332.000 đồng; anh không đồng ý cùng với chị T trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tại phiên tòa, anh M yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

* Ngày 28/02/2020, ngày 02/3/2020, ngày 16/3/2020 và ngày 17/3/2020, ông Nguyễn M1 và bà Trần Thị Th có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định diện tích đất 243m² nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H là tài sản của ông, bà.

* Ngày 02/3/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 340/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Khi chị T và anh M ly hôn vào năm 2017, chưa yêu cầu chia tài sản chung và giải quyết nợ chung. Sau khi ly hôn, nhiều lần chị T đề nghị giải quyết tài sản chung và nợ chung nhưng anh M không hợp tác, nên chị T mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 24, diện tích 94m² tại xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 1310) và nhà, đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H là tài sản chung của chị T và anh M; chị T thống nhất, nhưng do chị T nuôi con, hay ốm đau và anh M cho rằng thửa đất nhận chuyển nhượng của bà H không phải là đất ở. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của chị Văn Thị Kim T; giao nhà, đất nhận chuyển nhượng của bà H cho chị T sở hữu, sử dụng để thuận tiện cho việc sinh hoạt; giao thửa 1310 cho anh M quản lý, sử dụng. Chị T đồng ý thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho anh M theo Chứng thư thẩm định giá.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận: Tài sản chung của vợ chồng là tài sản chung hợp nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết chung trong cùng vụ án mà tách ra giải quyết từng

phần là không bảo đảm quyền lợi của các đương sự, trừ trường hợp các đương sự đồng ý; trên thửa 1310 có một phần tài sản (nhà) của anh Võ Văn M2, chị Huỳnh Thị B theo các đương sự thừa nhận là do xây nhầm và thỏa thuận đổi đất cho nhau, nhưng thửa 1310 đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, nên việc thỏa thuận đổi đất cho nhau cũng phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; thửa đất nhận chuyển nhượng của bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Đại diện Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ (nay là thị xã Đ) cho rằng thửa đất nhận chuyển nhượng của bà H chưa đủ cơ sở cấp GCNQSDĐ. Mặt khác, anh M, ông M1 và bà Th cho rằng đây là tài sản của ông M1, bà Th. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ tài sản này là của ai mà đình chỉ yêu cầu của ông M1, bà Th để giải quyết thành một vụ án khác là không bảo đảm quyền lợi của đương sự; đối với số tiền 2.558.000.000 đồng anh M yêu cầu chia, chị T thừa nhận có số tiền này nhưng đã trả nợ cho những người mà chị T và anh M nợ nên không còn. Tuy nhiên, anh M xác định không có nợ những người này nhưng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ; việc anh M yêu cầu chia số tiền 2.558.000.000 đồng không phải là yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm đình chỉ và sung công quỹ Nhà nước số tiền anh M nộp tạm ứng án phí là ảnh hưởng quyền lợi của anh M. Cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn M, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi; Đơn kháng cáo của ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th, anh Nguyễn M, chị Văn Thị Kim T làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ); chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn M, ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th; hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/02/2020, trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa vì chưa xác định được thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H là đất nông nghiệp hay đất ở và có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không khi giao cho một trong các bên quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử vào nghị án, sau đó Chủ tọa phiên tòa tuyên bố sẽ nghị án kéo dài và tuyên án vào lúc 14h00' ngày 17/02/2020. Tuy nhiên vào lúc 14h00' ngày 17/02/2020, Chủ tọa phiên tòa tuyên bố quay trở lại phần tranh tụng. Kết thúc phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên ý kiến phát biểu ngày 12/02/2020, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa. Đáng lẽ ra, Hội đồng xét xử phải vào phòng nghị án để thảo luận theo quy định tại khoản 2 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Trường hợp không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phải tuyên bố không chấp nhận ngừng phiên tòa và đề nghị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; trường hợp đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến thì Hội đồng xét xử vào nghị án và tuyên án, nhưng Hội đồng xét xử tại cấp sơ thẩm đã không xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, vẫn nghị án và tuyên án khi đại diện Viện kiểm sát chưa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là không đúng quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa ngày 14/01/2020, Hội đồng xét xử sơ thẩm ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ vì Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và ấn định ngày mở lại phiên tòa vào lúc 07h30' ngày 12/02/2020. Tại phiên tòa ngày 12/02/2020, bị đơn là anh Nguyễn M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th vắng mặt. Đáng lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải hoãn phiên tòa (vì lý do ngừng phiên tòa ngày 14/01/2020 là do Tòa án chưa xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ) nhưng lại tiến hành xét xử vắng mặt anh M, ông M1, bà Th và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh M và yêu cầu độc lập của ông M1, bà Th là không đúng quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh M, ông M1 và bà Th.

[3] Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của ông M1, bà Th xác định nhà gắn liền với thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H có diện tích 243m² thuộc một phần thửa đất số 587, tờ bản đồ số 24, tại xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi là tài sản của ông M1 và bà Th, không phải là tài sản chung của anh M, chị T và yêu cầu anh M, chị T trả lại cho ông, bà tài sản nêu trên. Tòa án cấp

sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của ông M1, bà Th với lý do ông M1, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt và tuyên ông M1, bà Th có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại bản án sơ thẩm đã xác định thừa đất nhận chuyển nhượng của bà H là tài sản chung của anh M, chị T và đã chia cho chị T, anh M nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên ông M1, bà Th được quyền khởi kiện đối với thừa đất nhận chuyển nhượng của bà H là không phù hợp, không đảm bảo quyền lợi của ông M1, bà Th.

[4] Bản án sơ thẩm có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của anh M, chị T, ông M1, bà Th và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Về án phí: Ông M1, bà Th là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Ông M1, bà Th, anh M, chị T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho anh M, chị T.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, không được chấp nhận.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác sẽ được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Nguyễn M1, bà Trần Thị Th, anh Nguyễn M, chị Văn Thị Kim T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho anh Nguyễn M, chị Văn Thị Kim T mỗi người 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002843 ngày 23/3/2020 và số AA/2018/0002840 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đ;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trịnh Thị Thu Lan